

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG
TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 | 12 - 37 |
| 8. Phụ lục 01 | 38 |
| 9. Phụ lục 02 | 39 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800544868, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 02 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 28 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại : (0293) 3 876 357
- Fax : (0293) 3 876 357

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|--------------|--|
| Ông Huỳnh Thông Minh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Dương Văn Thọ | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Bùi Trọng Lực | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Quách Minh Hiền | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Vũ Minh Đức | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Huỳnh Trung Tín | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Cao Thế Khải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Dũng Tiến | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Lý Thanh Quang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Bà La Thụy Phiêng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Bà Bùi Thị Thu Oanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|---------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Bùi Trọng Lực | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2021 |
| Ông Quách Minh Hiền | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2021 |
| Ông Cao Thế Khải | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|----------------------|----------------------------|---------------------------------------|
| Ông Huỳnh Thông Minh | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Bùi Trọng Lạc | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2021 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Huỳnh Thông Minh
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 8 năm 2023

Số: 4.0277/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Cần Thơ****Nguyễn Quốc Ngữ****Thành viên Ban Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3089-2020-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 122.145.017.396 | 135.290.441.834 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 6.154.565.454 | 11.102.807.840 |
| 1. Tiền | 111 | | 6.154.565.454 | 11.102.807.840 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 81.547.010.650 | 95.110.910.157 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 72.181.723.676 | 71.493.737.335 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 589.608.835 | 1.623.907.184 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dự | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | 1.000.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 8.775.678.139 | 20.993.265.638 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 26.727.745.092 | 19.072.918.835 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 26.727.745.092 | 19.072.918.835 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.515.696.200 | 4.803.805.002 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 1.804.634.160 | 2.858.928.801 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 700.843.040 | 1.388.766.343 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 10.219.000 | 556.109.858 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 386.085.809.186 | 385.795.994.837 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 254.163.073.677 | 254.406.824.063 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 251.749.910.286 | 251.976.629.144 |
| - Nguyên giá | 222 | | 437.441.187.622 | 426.488.057.811 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (185.691.277.336) | (174.511.428.667) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 2.413.163.391 | 2.430.194.919 |
| - Nguyên giá | 228 | | 2.693.601.620 | 2.693.601.620 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (280.438.229) | (263.406.701) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 129.210.264.901 | 127.503.519.157 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 129.210.264.901 | 127.503.519.157 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.712.470.608 | 3.885.651.617 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 2.712.470.608 | 3.885.651.617 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 508.230.826.582 | 521.086.436.671 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 99.321.258.613 | 128.616.927.263 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 89.775.534.613 | 116.796.607.263 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 33.739.530.535 | 45.394.948.014 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 2.416.162.599 | 2.050.859.549 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 4.483.791.030 | 3.031.203.956 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.14 | 1.174.362.026 | 5.112.394.435 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 268.321.472 | 5.274.361.513 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 20.155.582.839 | 23.249.517.515 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17a | 26.041.353.973 | 31.988.789.904 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.18 | 250.737.500 | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 1.245.692.639 | 694.532.377 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 9.545.724.000 | 11.820.320.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.17b | 9.545.724.000 | 11.820.320.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 408.909.567.969 | 392.469.509.408 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 408.909.567.969 | 392.469.509.408 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20a | 248.782.914.060 | 248.782.914.060 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 248.782.914.060 | 248.782.914.060 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20a | 23.125.322.264 | 21.574.804.853 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20a | 19.229.066.560 | 4.339.525.410 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 221.039.926 | 4.339.525.410 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 19.008.026.634 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | V.20a | 117.772.265.085 | 117.772.265.085 |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 508.230.826.582 | 521.086.436.671 |

Hậu Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2023


 Trần Hồng Đăng
 Người lập/Kế toán trưởng


 Bùi Trọng Lực
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 139.870.014.314 | 133.854.112.417 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 139.870.014.314 | 133.854.112.417 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 96.364.233.885 | 110.080.822.596 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 43.505.780.429 | 23.773.289.821 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 18.130.484 | 9.649.317 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 1.543.724.564 | 1.180.170.804 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.543.724.564 | 1.180.170.804 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 2.114.842.513 | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 15.311.098.895 | 17.274.205.740 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 24.554.244.941 | 5.328.562.594 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 14.078.913 | 1.121.223.854 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 50.640.130 | 55.855.236 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (36.561.217) | 1.065.368.618 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 24.517.683.724 | 6.393.931.212 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 3.164.072.931 | 1.089.495.141 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>21.353.610.793</u> | <u>5.304.436.071</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 21.353.610.793 | 5.304.436.071 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9a | <u>552</u> | <u>137</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9a | <u>552</u> | <u>137</u> |



Trần Hồng Đăng
Người lập/Kế toán trưởng



Hậu Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 184.110.077.447 | 166.805.419.088 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (109.225.215.376) | (80.018.530.320) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (43.261.883.590) | (28.966.257.388) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | VI.4 | (1.543.724.564) | (1.180.170.804) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | V.13 | (1.757.331.842) | - |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 39.860.940.891 | 82.021.859.708 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (50.840.804.220) | (103.360.017.762) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 17.342.058.746 | 35.302.302.522 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.8, V.10 | (12.659.875.555) | (17.546.610.362) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 1.000.000.000 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (11.659.875.555) | (17.546.610.362) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG


Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|--------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.17a, V.17b | 24.444.223.912 | 44.256.997.953 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17a, V.17b | (32.666.255.843) | (64.114.547.061) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.20d | (2.408.393.646) | (3.224.903.473) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(10.630.425.577)</i> | <i>(23.082.452.581)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (4.948.242.386) | (5.326.760.421) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 11.102.807.840 | 8.216.520.756 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 6.154.565.454 | 2.889.760.335 |

Hậu Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2023


Trần Hồng Đăng
Người lập/Kế toán trưởng


Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|--|--|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long | Đường Nguyễn Trung Trực, ấp Nhơn Thuận 1A, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sủi và điều hòa không khí | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang | Số 3, đường số 4, Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang | Thoát nước và xử lý nước thải | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang | Số 46A, đường Ngô Quốc Trị, khu vực 3, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 100% | 100% | 100% | 100% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 569 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 615 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty các con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 - 40 |
| Máy móc và thiết bị | 04 - 25 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 30 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 08 |
| Tài sản cố định khác | 10 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ gồm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng trợ cấp thôi việc.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 99.652.888 | 215.111.248 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.054.912.566 | 10.887.696.592 |
| Cộng | 6.154.565.454 | 11.102.807.840 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| <i>Ngắn hạn</i> | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |
| Cộng | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 | 5.200.000.000 |

Khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng có giá trị là 5.200.000.000 VND được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.17a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | - | 286.115.869 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam | - | 286.115.869 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 72.181.723.676 | 71.207.621.466 |
| Phòng quản lý Đô thị thành phố Ngã Bảy | 10.930.525.000 | 18.510.866.000 |
| Phòng quản lý Đô thị thành phố Vị Thanh | 9.530.539.713 | 16.846.602.432 |
| Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vị Thù | 7.126.457.000 | - |
| Các khách hàng khác | 21.605.481.493 | 35.850.153.034 |
| Cộng | 72.181.723.676 | 71.493.737.335 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | | |
| Công ty TNHH Chiêu sáng Đô thị Nichi Việt Nam | 165.211.200 | 164.551.200 |
| Các khách hàng khác | 424.397.635 | 1.459.355.984 |
| Cộng | 589.608.835 | 1.623.907.184 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | | | | |
| Tạm ứng nhân viên | 4.797.626.028 | - | 19.255.898.123 | - |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 850.000.000 | - | 85.892.295 | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt chờ nguồn bù đắp | 882.915.688 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.245.136.423 | - | 1.651.475.220 | - |
| Cộng | 8.775.678.139 | - | 20.993.265.638 | - |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.362.279.478 | - | 6.775.448.963 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 5.060.507.755 | - | 148.816.120 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 18.304.957.859 | - | 12.148.653.752 | - |
| Cộng | 26.727.745.092 | - | 19.072.918.835 | - |

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 632.575.087 | 342.412.730 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 1.172.059.073 | 2.515.372.391 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | - | 1.143.680 |
| Cộng | 1.804.634.160 | 2.858.928.801 |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 924.966.150 | 2.462.845.582 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 1.112.219.355 | 998.666.768 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 675.285.103 | 424.139.267 |
| Cộng | 2.712.470.608 | 3.885.651.617 |

8. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 23.095.363.520 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.17a và V.17b).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vj Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> |
|---------------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 2.633.601.620 |
| Số cuối kỳ | <u>2.693.601.620</u> |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 263.406.701 |
| Khấu hao trong kỳ | 17.031.528 |
| Số cuối kỳ | <u>280.438.229</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | <u>2.430.194.919</u> |
| Số cuối kỳ | <u>2.413.163.391</u> |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Tạm thời không sử dụng | - |
| Đang chờ thanh lý | - |

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.413.163.391 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang (xem thuyết minh V.17a).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | |
| - Công trình xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Vj Thanh | 15.319.465.180 | - | - | 15.319.465.180 |
| - Công trình xây dựng Nhà máy nước Sông Hậu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang | 11.703.657.502 | - | - | 11.703.657.502 |
| - Công trình khoan giếng ngầm ứng phó nước mặn xâm nhập | 17.184.391.181 | - | - | 17.184.391.181 |
| - Công trình xây dựng Nhà máy nước huyện Long Mỹ | 17.892.588.003 | - | - | 17.892.588.003 |
| - Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xử lý bãi rác thải Kinh Cù | 46.837.852.245 | - | - | 46.837.852.245 |
| - Các công trình khác | 18.565.565.046 | 5.665.519.562 | (3.958.773.818) | 20.272.310.790 |
| Cộng | <u>127.503.519.157</u> | <u>5.665.519.562</u> | <u>(3.958.773.818)</u> | <u>129.210.264.901</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | | |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng | 437.551.121 | 165.820.856 |
| Công ty TNHH MTV Hòa Bình | 1.585.303.450 | 5.830.200.000 |
| Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị NTN | - | 4.808.224.800 |
| Công ty TNHH Thương mại Thanh Dung | 11.570.796.251 | 10.669.633.748 |
| Các nhà cung cấp khác | 20.145.879.713 | 23.921.068.610 |
| Cộng | <u>33.739.530.535</u> | <u>45.394.948.014</u> |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | <i>1.126.654.131</i> | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam | 1.126.654.131 | - |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | <i>1.289.508.468</i> | <i>2.050.859.549</i> |
| Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng | - | 848.465.828 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.289.508.468 | 1.202.393.721 |
| Cộng | <u>2.416.162.599</u> | <u>2.050.859.549</u> |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | <u>Số cuối kỳ</u> | |
|--|-----------------------------|---------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã thực nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 950.774.492 | 10.219.000 | 1.922.432.003 | (1.548.975.327) | 1.324.231.168 | 10.219.000 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.532.899.773 | 545.890.858 | 3.164.072.931 | (1.757.331.842) | 2.393.750.004 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 32.479.899 | - | 252.334.020 | (264.453.432) | 20.360.487 | - |
| Thuế tài nguyên | - | - | 388.145.700 | (338.740.700) | 49.405.000 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 210.419.509 | (210.419.509) | - | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 515.049.792 | - | 4.590.597.302 | (4.409.602.723) | 696.044.371 | - |
| Cộng | <u>3.031.203.956</u> | <u>556.109.858</u> | <u>10.528.001.465</u> | <u>(8.529.523.533)</u> | <u>4.483.791.030</u> | <u>10.219.000</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|-----------------|
| - Dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh, chiếu sáng | Không chịu thuế |
| - Dịch vụ cung cấp nước sạch | 5% |
| - Dịch vụ công ích thu gom, xử lý rác thải, dịch vụ xây lắp và các dịch vụ khác | 10% |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang

Công ty xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Từ năm 2021, Công ty áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước, vệ sinh đô thị do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ đã sửa đổi Khoản 3, Điều 19 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long

Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, như sau:

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm và được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đồng thời, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% trong 10 năm và được miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Năm 2023 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh tại các địa bàn không ưu đãi phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang

Công ty xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động sản xuất nước do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô và tiêu chuẩn của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của các công ty trong Tập đoàn như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang | 2.578.504.391 | 215.421.404 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long | 43.702.107 | - |
| Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Hậu Giang | 148.149.927 | 874.073.737 |
| Công ty TNHH MTV Cấp nước Hậu Giang | 393.716.506 | - |
| Cộng | <u>3.164.072.931</u> | <u>1.089.495.141</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với giá tính thuế như sau:

- Nước mặt: 4.000 VND/m³ với thuế suất 1%;
- Nước dưới đất: 6.000 VND/m³ với thuế suất 5%.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với các khu đất đang sử dụng tại thị xã Long Mỹ, huyện Phụng Hiệp, huyện Vị Thủy và thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo các hợp đồng thuê.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | | |
| Chi phí công trình trích trước | - | 2.584.663.719 |
| Chi phí dịch vụ công ích trích trước | - | 2.689.697.794 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 268.321.472 | - |
| Cộng | <u>268.321.472</u> | <u>5.274.361.513</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i> | - | 9.750.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam - Tiền mượn | - | 9.750.000.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 20.155.582.839 | 13.499.517.515 |
| Kinh phí công đoàn | 8.066.620 | 43.872.400 |
| Bảo hiểm xã hội | 722.445.225 | - |
| Bảo hiểm y tế | 117.805.025 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 8.040.700 | - |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 207.500.000 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 192.454.261 | 163.434.538 |
| Ủy ban Nhân dân Thành phố Ngã Bảy ⁽ⁱ⁾ | 10.966.614.000 | 10.966.614.000 |
| Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Hậu Giang ⁽ⁱⁱ⁾ | 4.514.195.539 | - |
| Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Châu Thành ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 914.955.708 | - |
| Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Vị Thanh ^(iv) | 600.662.606 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.902.843.155 | 2.325.596.577 |
| Cộng | <u>20.155.582.839</u> | <u>23.249.517.515</u> |

- (i) Khoản tiền hỗ trợ theo Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Ngã Bảy về việc bồi thường đường ống cấp nước thuộc dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- (ii) Khoản tiền hỗ trợ theo Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023, Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023, Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Hậu Giang về việc bồi thường đường ống cấp nước thuộc dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021 - 2025.
- (iii) Khoản tiền hỗ trợ theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Châu Thành về việc bồi thường đường ống cấp nước thuộc dự án đường nối thị trấn Ngã Sáu đến đường Nam Sông Hậu.
- (iv) Khoản tiền hỗ trợ theo Quyết định số 5784/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Vị Thanh về việc bồi thường đường ống cấp nước thuộc dự án đường Hoà Bình nối dài (đợt 3).

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i> | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 21.094.843.973 | 25.899.461.904 |
| - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang ⁽ⁱ⁾ | 10.079.518.861 | 18.372.685.279 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - <i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang</i> ⁽ⁱⁱ⁾ | 11.015.325.112 | 7.526.776.625 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.17b) | 4.946.510.000 | 6.089.328.000 |
| Cộng | 26.041.353.973 | 31.988.789.904 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay tín chấp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7%/năm và được điều chỉnh theo lãi suất thị trường, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo lãi suất thị trường, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8 và V.9).

Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (xem thuyết minh số V.2).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | Số tiền vay | | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| | Số đầu năm | phát sinh trong kỳ | | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 25.899.461.904 | 23.874.223.912 | - | (28.678.841.843) | 21.094.843.973 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 6.089.328.000 | - | 2.066.346.000 | (3.209.164.000) | 4.946.510.000 |
| Cộng | 31.988.789.904 | 23.874.223.912 | 2.066.346.000 | (31.888.005.843) | 26.041.353.973 |

17b. Vay dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|-----------------------|
| <i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i> | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 9.545.724.000 | 11.820.320.000 |
| - <i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang</i> ⁽ⁱ⁾ | 7.835.474.000 | 9.044.960.000 |
| - <i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang</i> ⁽ⁱⁱ⁾ | 897.050.000 | 1.800.400.000 |
| - <i>Vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cần Thơ</i> ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 652.000.000 | 781.600.000 |
| - <i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô</i> ^(iv) | 161.200.000 | 193.360.000 |
| Cộng | 9.545.724.000 | 11.820.320.000 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang: vay để thực hiện công trình hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt Quốc lộ 1, với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh mỗi tháng 01 lần, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 8 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.8).

Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long: vay để mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

(ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước - Công trình Đô thị Hậu Giang tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hậu Giang để mua sắm phương tiện vận tải, với lãi suất vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm hoặc theo giấy nhận nợ từng thời điểm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.8).

(iii) Khoản vay của Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cần Thơ để mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 8,8%/năm, thời gian tiếp theo lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.8).

(iv) Khoản vay Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng Cửu Long tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô để mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân là 7,9%/năm, thời gian tiếp theo lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải truyền dẫn (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 4.946.510.000 | 6.089.328.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 9.545.724.000 | 11.820.320.000 |
| Cộng | 14.492.234.000 | 17.909.648.000 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | Kỳ này |
|------------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 11.820.320.000 |
| Số tiền vay phát sinh | 570.000.000 |
| Số tiền vay đã trả | (778.250.000) |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (2.066.346.000) |
| Số cuối kỳ | 9.545.724.000 |

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến liên quan đến khoản tiền trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|-------------------|--------------------|
| Số đầu năm | - |
| Tăng do trích lập | 450.000.000 |
| Số sử dụng | (199.262.500) |
| Số cuối kỳ | 250.737.500 |

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 494.425.266 | 1.090.553.909 | (793.360.656) | 791.618.519 |
| Quỹ phúc lợi | 89.572.800 | 1.290.553.909 | (1.027.241.217) | 352.885.492 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 110.534.311 | 95.031.045 | (104.376.728) | 101.188.628 |
| Cộng | 694.532.377 | 2.476.138.863 | (1.924.978.601) | 1.245.692.639 |

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

(*) Chi tiết số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo từng công trình như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| - Công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và xử lý bãi rác thải Kinh Cùng | 52.014.731.400 | 52.014.731.400 |
| - Công trình khoan giếng nước ngầm ứng phó xâm ngập mặn | 18.867.531.000 | 18.867.531.000 |
| - Công trình nhà máy nước Long Mỹ | 17.892.588.003 | 17.892.588.003 |
| - Công trình hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh | 15.319.465.180 | 15.319.465.180 |
| - Các công trình khác | 13.677.949.502 | 13.677.949.502 |
| Cộng | 117.772.265.085 | 117.772.265.085 |

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam | 127.198.280.000 | 127.198.280.000 |
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang | 115.259.630.000 | 115.259.630.000 |
| Các cổ đông khác | 6.325.004.060 | 6.325.004.060 |
| Cộng | 248.782.914.060 | 248.782.914.060 |

20c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 24.878.291 | 24.878.291 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 24.878.291 | 24.878.291 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 24.878.291 | 24.878.291 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 24.878.291 | 24.878.291 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 24.878.291 | 24.878.291 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

| | <u>Số được phân phối</u> | <u>Số đã phân phối trong năm trước</u> | <u>Số phân phối trong kỳ này</u> |
|-----------------------------------|------------------------------|--|--------------------------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | 2.437.413.369 | - | 2.437.413.369 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 1.550.517.411 | - | 1.550.517.411 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 2.121.107.818 | 1.000.000.000 | 1.121.107.818 |
| • Trích quỹ thưởng người quản lý | 93.031.045 | - | 93.031.045 |

Đồng thời, Công ty mẹ đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023 với số tiền là 1.000.000.000 VND theo các tờ trình đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Và trong kỳ, Công ty mẹ đã chi trả cổ tức cho các cổ đông như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------|---------------|-----------------|
| Chi cổ tức | 2.408.393.646 | 3.224.903.473 |

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 91.107.787 | 91.107.787 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 304.506.373 | 304.506.373 |
| Trên 5 năm | 2.002.799.205 | 2.093.906.992 |
| Cộng | 2.398.413.365 | 2.489.521.152 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 13.349,7 m² đất tại phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 47.427.034 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2009 đến ngày 27 tháng 4 năm 2059.
- Tổng số tiền thuê 343,4 m² đất tại ấp Hòa Phụng B, thị trấn Kinh Cù, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 2.455.310 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2009 đến ngày 27 tháng 4 năm 2059.
- Tổng số tiền thuê 1.987 m² đất tại ấp 5, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 10.152.886 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 16 tháng 11 năm 2012 đến ngày 16 tháng 11 năm 2062.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tổng số tiền thuê 17.831,4 m² đất tại xã Vị Thanh, huyện Vị Thù, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 6.018.098 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 14 tháng 07 năm 2015 đến ngày 14 tháng 7 năm 2065.
- Tổng số tiền thuê 11.152,5 m² đất tại ấp Mỹ Hiệp, xã Tân Tiến, thành phố Vị thanh, tỉnh Hậu Giang với giá thuê là 25.054.459 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến ngày 10 tháng 8 năm 2020.

21b. Tài sản nhận giữ hộ

| | <u>Số lượng</u> | <u>Chủng loại</u> | <u>Phẩm chất</u> |
|---|-----------------|-------------------|------------------|
| Khai thác các giếng ngầm để chủ động ứng phó xâm nhập mặn (*) | 09 | Giếng ngầm | Đang hoạt động |

(*) Tài sản nhận giữ hộ theo Công văn số 1879/UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Nguyên nhân xóa sổ</u> | | <u>Nguyên nhân</u> |
|----------|---------------------------|-------------------|---------------------------|
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> | |
| Khách lẻ | 99.122.968 | 99.122.968 | Không có khả năng thu hồi |
| Cộng | <u>99.122.968</u> | <u>99.122.968</u> | |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|-------------------------------------|--|------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu hoạt động cung cấp nước | 76.669.082.550 | 51.664.455.433 |
| Doanh thu hoạt động thuê bao đô thị | 36.183.718.520 | 46.030.493.120 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 24.049.839.011 | 34.079.136.462 |
| Doanh thu hoạt động lắp đặt | 1.390.441.248 | 584.050.879 |
| Doanh thu bán điện | 188.537.841 | 263.897.900 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 210.120.000 | 164.181.482 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 483.100.000 | - |
| Doanh thu hoạt động khác | 695.175.144 | 1.067.897.141 |
| Cộng | <u>139.870.014.314</u> | <u>133.854.112.417</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ, Tập đoàn chỉ có phát sinh giao dịch về cung cấp dịch vụ với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam là Công ty mẹ với số tiền là 4.936.539.999 VND (cùng kỳ năm trước là 18.313.865.740 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn hoạt động cung cấp nước | 42.087.488.042 | 40.814.656.395 |
| Giá vốn hoạt động thuê bao đô thị | 30.512.948.687 | 35.908.299.989 |
| Giá vốn hoạt động lắp đặt | 794.346.645 | 1.539.685.466 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 22.613.157.247 | 31.733.204.792 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 32.574.545 | 84.975.954 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 280.663.500 | - |
| Giá vốn hoạt động khác | 43.055.219 | - |
| Cộng | 96.364.233.885 | 110.080.822.596 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 18.130.484 | 5.937.317 |
| Lãi từ tiền phạt do quá hạn ứng trước theo hợp đồng cung cấp dịch vụ | - | 3.712.000 |
| Cộng | 18.130.484 | 9.649.317 |

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay Ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.361.301.713 | - |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 206.263.862 | - |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 189.614.953 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 57.807.100 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 57.383.011 | - |
| Các chi phí khác | 242.471.874 | - |
| Cộng | 2.114.842.513 | - |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 7.246.976.933 | 7.716.087.615 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 199.713.526 | 382.013.897 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 523.695.455 | 336.886.669 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 959.534.564 | 1.328.459.729 |
| Thuế, phí và lệ phí | 380.589.435 | 708.829.860 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 531.597.001 | 582.082.824 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 450.000.000 | 200.000.000 |
| Các chi phí khác | 5.018.991.981 | 6.019.845.146 |
| Cộng | 15.311.098.895 | 17.274.205.740 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập nhận hỗ trợ từ dự án Water WorX | - | 1.104.500.000 |
| Các khoản thu nhập khác | 14.078.913 | 16.723.854 |
| Cộng | 14.078.913 | 1.121.223.854 |

8. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí phạt vi phạm hành chính | 39.491.000 | - |
| Các chi phí khác | 11.149.130 | 55.855.236 |
| Cộng | 50.640.130 | 55.855.236 |

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ | 21.353.610.793 | 5.304.436.071 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (7.302.934.891) | (1.814.117.136) |
| Trích thưởng Ban điều hành, quản lý (*) | (320.304.162) | (79.566.541) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 13.730.371.740 | 3.410.752.394 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 24.878.291 | 24.878.291 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 552 | 137 |

(*) Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành, quản lý kỳ này được tạm tính theo phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2023 theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 37.482.663.299 | 60.286.436.399 |
| Chi phí nhân công | 51.586.980.928 | 43.425.610.665 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.196.880.197 | 10.770.065.214 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.896.121.893 | 19.195.209.267 |
| Chi phí khác | 9.252.158.674 | 12.730.751.289 |
| Cộng | 119.414.804.991 | 146.408.072.834 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i> | | |
| Chi tạm ứng | - | (5.510.000.000) |
| Thu hồi tạm ứng | - | 3.426.201.000 |
| Mượn tiền thực hiện công trình | - | 972.279.000 |

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ:

| Kỳ này | Tiền lương | | | Cộng thu nhập |
|---|-------------|-------------|---------------|---------------|
| | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập | |
| Ông Huỳnh Thông Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 280.800.000 | 280.800.000 | |
| Ông Dương Văn Thọ - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 28.108.000 | 28.108.000 | |
| Ông Bùi Trọng Lực - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 167.500.000 | 42.162.000 | 209.662.000 | |
| Ông Quách Minh Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 146.950.000 | 42.162.000 | 189.112.000 | |
| Ông Cao Thế Khải - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 146.950.000 | 42.162.000 | 189.112.000 | |
| Ông Vũ Minh Đức - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 42.162.000 | 42.162.000 | |
| Ông Huỳnh Trung Tín - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 42.162.000 | 42.162.000 | |
| Ông Nguyễn Dũng Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 14.054.000 | 14.054.000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | | | |
|--|---|--------------------|--------------------|
| Ông Lý Thanh Quang - Trưởng Ban kiểm soát | - | 178.688.000 | 178.688.000 |
| Bà La Thụy Phiêng - Thành viên Ban kiểm soát | - | 37.782.000 | 37.782.000 |
| Bà Bùi Thị Thu Oanh - Thành viên Ban kiểm soát | - | 37.782.000 | 37.782.000 |
| Cộng | | 461.400.000 | 788.024.000 |

| Kỳ trước | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập |
|---|-------------|--------------------|--------------------|
| Ông Huỳnh Thông Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 271.200.000 | 271.200.000 |
| Ông Dương Văn Thọ - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 210.834.000 | 210.834.000 |
| Ông Bùi Trọng Lực - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 155.400.000 | 42.162.000 | 197.562.000 |
| Ông Quách Minh Hiển - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 138.300.000 | 42.162.000 | 180.462.000 |
| Ông Vũ Minh Đức - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 138.300.000 | 42.162.000 | 180.462.000 |
| Ông Huỳnh Trung Tín - Thành viên Hội đồng quản trị | - | 42.162.000 | 42.162.000 |
| Ông Cao Thế Khải - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 46.100.000 | 42.162.000 | 88.262.000 |
| Ông Lý Thanh Quang - Trưởng Ban kiểm soát | - | 172.932.000 | 172.932.000 |
| Bà La Thụy Phiêng - Thành viên Ban kiểm soát | - | 37.782.000 | 37.782.000 |
| Bà Bùi Thị Thu Oanh - Thành viên Ban kiểm soát | - | 37.782.000 | 37.782.000 |
| Cộng | | 478.100.000 | 941.340.000 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|-------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam | Công ty mẹ |
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang | Cổ đông lớn |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Miền Nam | | |
| Thu tiền mượn | - | 5.650.000.000 |
| Chi trả tiền mượn | (9.750.000.000) | (5.650.000.000) |
| Chia cổ tức | 1.246.543.144 | 1.666.297.468 |
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang | | |
| Chia cổ tức | 1.129.544.374 | 1.509.901.153 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp nước sạch và thuê bao đô thị. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hậu Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Trần Hồng Đăng
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|---------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|--|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 95.716.611.427 | 41.904.940.031 | 286.651.326.626 | 187.272.727 | 2.027.907.000 | 426.488.057.811 |
| Mua trong kỳ | 60.085.084 | 3.764.090.909 | 3.170.180.000 | - | - | 6.994.355.993 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 3.172.906.364 | 785.867.454 | - | - | 3.958.773.818 |
| Số cuối kỳ | 95.776.696.511 | 48.841.937.304 | 290.607.374.080 | 187.272.727 | 2.027.907.000 | 437.441.187.622 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 3.249.708.992 | 8.950.176.578 | 27.543.084.097 | - | - | 39.742.969.667 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 42.869.451.240 | 17.704.729.504 | 113.886.065.339 | 37.528.419 | 13.654.165 | 174.511.428.667 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.095.203.151 | 1.659.368.329 | 7.406.547.643 | 11.704.548 | 7.024.998 | 11.179.848.669 |
| Số cuối kỳ | 44.964.654.391 | 19.364.097.833 | 121.292.612.982 | 49.232.967 | 20.679.163 | 185.691.277.336 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 52.847.160.187 | 24.200.210.527 | 172.765.261.287 | 149.744.308 | 2.014.252.835 | 251.976.629.144 |
| Số cuối kỳ | 50.812.042.120 | 29.477.839.471 | 169.314.761.098 | 138.039.760 | 2.007.227.837 | 251.749.910.286 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Hậu Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2023

**Bùi Trọng Lực**
Tổng Giám đốc
Trần Hồng Đăng

38 Người lập/Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 263, Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | Cộng |
|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|---|--|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 248.782.914.060 | 19.497.316.329 | 5.395.169.111 | 115.680.763.385 | 389.356.162.885 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | 5.304.436.071 | - | 5.304.436.071 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | - | 2.077.488.524 | (3.523.210.997) | - | (1.445.722.473) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | (3.265.811.960) | - | (3.265.811.960) |
| Số dư cuối kỳ trước | 248.782.914.060 | 21.574.804.853 | 3.910.582.225 | 115.680.763.385 | 389.949.064.523 |
| Số dư đầu năm nay | 248.782.914.060 | 21.574.804.853 | 4.339.525.410 | 117.772.265.085 | 392.469.509.408 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | 21.353.610.793 | - | 21.353.610.793 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | 1.550.517.411 | (4.026.656.274) | - | (2.476.138.863) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong kỳ này | - | - | (2.437.413.369) | - | (2.437.413.369) |
| Số dư cuối kỳ này | 248.782.914.060 | 23.125.322.264 | 19.229.066.560 | 117.772.265.085 | 408.909.567.969 |

Hậu Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Trần Hồng Đăng
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Trọng Lực
Tổng Giám đốc